

Bản án số: 168/2019/DS-PT

Ngày 08-10-2019

V/v Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Huyền

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 08 năm 2019 và ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 174/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Minh Th, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Ấp RS1, xã VP, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Ấp RS1, xã VP, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. NLQ1 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Võ Minh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Võ Minh Th trình bày:* Vào đầu năm 2018 ông có trồng bí đao trên phần đất 12 công (tầm 3m), khi bí được khoảng 52 ngày tuổi đang phát triển tốt vào thời kỳ ra trái, thì hộ giáp ranh là ông Nguyễn Thanh Đ tự phát nuôi tôm bơm nước mặn ngấm qua làm ruộng bí đao của ông bị chết khoảng 85%, số còn lại không có nước tưới do nguồn nước bị nhiễm mặn nên đã thiệt hại 100%. Vì vậy, ông yêu cầu ông Đ phải bồi thường các khoản chi phí cụ thể như sau: Tiền sửa liếp = 15.000.000 đồng; Tiền xăng 120 lít = 2.445.000 đồng; Tiền nhót 09 lít x 85.000 = 765.000 đồng; Tiền xới đất 806 tầm x 5.000 đồng = 4.030.000 đồng; Tiền nhân công 14 công x 150.000 đồng = 2.100.000 đồng; Tiền hạt giống 100 gói = 3.500.000 đồng; Thuốc các loại = 14.000.000 đồng; Phân 25-25-5(ĐT) 12 bao = 7.200.000 đồng; Lân đầu trâu 06 bao x 250.000 đồng = 1.500.000 đồng; Phân 25-25-5 x 15 bao x 690.000 đồng = 10.350.000 đồng; Urê đen 10kg x 100.000 đồng = 1.000.000 đồng; DAP Trung Quốc 1 bao x 650.000 đồng = 650.000 đồng;

Tổng thiệt hại ông Th yêu cầu ông Đ bồi thường là 69.540.000 đồng, trong đó chi phí đầu tư là 62.540.000 đồng và tiền lợi nhận là 7.000.000 đồng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ trình bày:* Ông có phần đất ngoài mặt tiền không giáp ranh với đất của ông Võ Minh Th. Vào tháng 07/2017 ông có cuộc bờ bao để cấy lúa và nuôi tôm càng, tôm thẻ xen canh trong lúa. Đến tháng 12/2017 ông thu hoạch lúa, thấy nước trong vuông hơi cạn, nên có bơm nước từ sông lên vuông để chăm sóc tôm, thì ông Th cho rằng nước ngấm qua đất làm chết bí đao và trình báo chính quyền địa phương. Đến ngày 28/02/2018 Ủy ban nhân dân (sau đây được viết tắt là: UBND) xã VP; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VT thành lập đoàn kiểm tra đo đạc độ mặn trong vuông của ông và trong ruộng bí của ông Th là 0‰ (không phân nghìn).

Sau khi thu hoạch tôm xong, thì ông có nhận chuyển nhượng thêm một phần đất liền kề với đất của ông ngoài mặt tiền và giáp ranh với ruộng bí của ông Th, nên ông có bơm nước vô vuông ngoài phía mặt tiền và xả một ít nước vào miếng đất phía giáp ông Th để cuộc vuông và cuộc đường nước thoát thông ra sông (phía giáp với ông Th). Sau khi cuộc xong thì UBND xã VPh cử cán bộ đến làm việc với ông và không cho bơm nước nuôi tôm nữa thì ông đồng ý và rút nước toàn bộ trong vuông ra ngày 13/3/2018.

Đến ngày 15/3/2018 thì UBND xã VP, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VT tiếp tục lấy mẫu nước kiểm tra vẫn là 0‰, từ đó đến nay ông không nuôi tôm và không bơm nước vô vuông nữa.

Nay phía ông Th yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) thì ông không đồng ý vì ông không gây thiệt hại cho ông Th. Ngoài ra, sau khi bí đao của ông Th bị thiệt hại vào ngày 15/3/2018 ông Th nói là nước mặn do ông nuôi tôm ngấm qua, nhưng sau vụ đó ông không nuôi tôm nữa, ông Thuận lại trồng tiếp bí đao cũng chết hết thì do nguyên nhân gì.

- Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. NLQ1: NLQ1 có phần đất 3,5 công tầm 03m giáp ranh với phần đất của ông Võ Minh Th khoảng 100m chiều dài. Khoảng tháng 07/2017 âm lịch, anh có mức vuông nuôi tôm thì phía ông Th cũng chuẩn bị trồng bí đao. Thời điểm đó thì phía ông Đ và NLQ1 giáp ranh với ông Th cũng có nuôi tôm, vuông nuôi tôm của anh NLQ2, NLQ1 và ông Đ có mương xả nước thoát nước ra sông. Do thời điểm ông Th trồng bí là tháng hạn, ông Th thuê xáng cuốc (máy xúc) mức đất sâu để đắp lên bờ trồng bí trong khi đất chưa được rửa phèn, thì bí bị thiệt hại là bình thường. Việc ông Th cho rằng bí của ông bị thiệt hại là do nước mặn tràn qua là không đúng, bí của ông Th bị thiệt hại là do nắng hạn, chứ không liên quan gì đến những người nuôi tôm xung quanh. NLQ1 không liên quan gì đến thiệt hại của ông Th.

2. NLQ2: NLQ1 có phần đất giáp ranh với phần đất của ông Th. Thời điểm cuối năm 2017, đầu năm 2018 ông Th có trồng bí đao phía giáp với đất của ông Đ và NLQ1, còn phần giáp ranh với ông thì ông Th không trồng. Thời điểm ông Th trồng bí thì ông, NLQ2 và ông Đ cùng nuôi tôm. Vuông tôm của NLQ1, ông Đ và NLQ2 có đường mương xả nước thoát ra sông. Do ông Th đắp bờ trồng bí quá cao và lấy đất quá sâu vào thời điểm nắng hạn, đất chưa được xử lý tốt, nên bí bị ảnh hưởng chứ hoàn toàn không có việc nước mặn từ vuông tôm tràn qua làm thiệt hại cho ông Th. NLQ2 không liên quan gì đến thiệt hại của ông Th.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh Th về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ bồi thường thiệt hại số tiền 69.540.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 01/4/2019, nguyên đơn ông Võ Minh Th có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Nguyễn Thanh Đ bồi thường số tiền 69.540.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th giữ nguyên yêu cầu như đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo là NLQ1, NLQ2 đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét nội dung vụ án thấy rằng: Ông Th có đất trồng bí đao giáp với ranh đất của ông Đ, NLQ2, NLQ1 và một số hộ khác, trong đó đất của ông Đ, NLQ2 và NLQ1 nuôi tôm, còn các hộ khác thì trồng lúa. Vào các ngày 23/02/2018 và 13/3/2018 ông Đ có bơm nước vào ruộng tôm, ông Th phát hiện và yêu cầu UBND xã VP lập biên bản, theo đó ông Đ chấp nhận ngưng việc bơm nước và tháo xả toàn bộ nước trong ruộng ra ngoài. Do ông Th có yêu cầu đo độ mặn nên UBND xã VP đề nghị Phòng Tài nguyên môi trường huyện VT tiến hành đo độ mặn vào các ngày 28/02/2018 và 15/3/2018, kết quả cả hai lần đo đều là 0‰ (không phân ngàn). Không đồng ý với kết quả trên, ông Th tiếp tục yêu cầu Trạm khuyến nông huyện VT tiếp tục đo lại độ mặn vào ngày 19/3/2018, kết quả cho thấy phần nước trong ruộng bí đao của ông Th và phần nước trong ruộng tôm của ông Đ đều có độ mặn, chỉ số độ mặn trong ruộng của ông Đ cao hơn ruộng bí đao của ông Th, đồng thời cũng chẩn đoán bí đao không phát triển là do bị nhiễm mặn (BL 30, 31). Tại thời điểm ông Th trồng bí đao đang là mùa hạn nên nước sông là nước mặn. Sau đợt bí đao trên, thì đến ngày 12/6/2018 ông Th tiếp tục trồng bí đao đợt hai, lần này ông Đ không nuôi tôm để đất trống nhưng bí đao của ông Th vẫn có hiện tượng không phát triển và bị chết như đợt đầu.

[3] Xét kháng cáo của ông Th về việc yêu cầu ông Đ bồi thường thiệt hại, thấy rằng: Từ lúc ông Th cho rằng nước bị nhiễm mặn cho đến khi Tòa án xét xử, thì ông Th không chứng minh được nguyên nhân bí đao của ông bị chết là do bị nhiễm từ nguồn nước nào, ngoài đất của ông Đ thì còn có nhiều hộ giáp ranh khác cũng nuôi tôm, cùng thời điểm nước sông là nước mặn; Biên bản đo độ mặn ngày 19/3/2018 có cán bộ của Trạm khuyến nông tham gia (BL 30) không thể hiện được quy trình cũng như trang thiết bị, dụng cụ...dùng để khảo sát đo độ mặn, hơn nữa

không có sự chứng kiến của ông Đ trong quá trình khảo sát, nhưng lại không nêu rõ lý do vì sao ông Đ không có mặt, mà vẫn tiến hành đo độ mặn trong phần đất của ông Đ là chưa khách quan. Ông Th không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền khảo sát đo độ mặn trong phần đất của các hộ giáp ranh với đất của ông và độ mặn nước sông tại thời điểm nhiễm mặn, từ đó mới có cơ sở xác định bí đao của ông bị thiệt hại là nguyên nhân trực tiếp từ đâu và do ai gây ra. Hơn nữa, vào ngày 12/6/2018 ông Th trồng bí đao lại đợt hai, được 30 ngày thì bí cũng có hiện tượng như lần đầu và bị chết, tuy nhiên tại thời điểm này ông Đ không còn nuôi tôm nữa và ông Th cũng không xác định được bí đao bị chết là vì nguyên nhân gì.

Mặt khác, tại Công văn số 151/UBND-VP, ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang khẳng định: *Máy đo độ mặn của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VT tại thời điểm đo độ mặn theo yêu cầu của ông Th vào các ngày 28/02/2018 và 15/3/2018 vẫn hoạt động bình thường, không hư hỏng như ông Th trình bày; Kết quả đo độ mặn của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VT cũng như của Trạm khuyến nông huyện VT là có giá trị như nhau, tuy nhiên đo vào thời điểm khác nhau và lấy mẫu nước ở vị trí khác nhau nên kết quả khác nhau.* Hội đồng phúc thẩm xét thấy, do ông Th yêu cầu nên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Th tiến hành đo độ mặn có sự chứng kiến của ông Th và thời điểm đo độ mặn lần hai chỉ cách 02 ngày sau khi ông Đ bơm nước. Trong khi đó cán bộ Trạm khuyến nông tiến hành đo độ mặn cách ngày ông Đ bơm nước đến 6 ngày và quy trình, trang thiết bị ...như nhận định nêu trên là chưa khách quan. Vì vậy, có cơ sở xác định kết quả đo độ mặn của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VT mang tính pháp lý cao hơn, chính xác và khách quan hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th khẳng định hiện tại ông không còn trồng bí đao nữa mà đã cải tạo lại phần đất để nuôi tôm, nguồn nước sông và nguồn nước trong phần đất của các hộ giáp ranh đều đã thay đổi không còn như hiện trạng ban đầu (tại thời điểm bị thiệt hại). Vì vậy cấp phúc thẩm không thể xem xét bổ sung được.

Từ nhận định nêu trên, không có cơ sở xác định nguyên nhân bí đao của ông Th bị chết là do ông Đ trực tiếp gây ra, nên không có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi trái pháp luật theo quy định. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th về việc yêu cầu ông Đ bồi thường thiệt hại là có căn cứ.

Vì vậy, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Minh Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh Th không được chấp nhận, nên ông Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền yêu cầu ông Đ bồi thường thiệt hại 69.540.000 đồng là 3.477.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Võ Minh Th không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, nên phải nộp án phí 300.000 đồng và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 585, 589 Bộ luật dân sự; Tiểu mục 1.2, 1.3, 1.4 mục 1 Phần 1 Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Minh Th.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh Th về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ bồi thường thiệt hại số tiền 69.540.000 đồng.

Cụ thể: (Tiền sửa lấp = 15.000.000 đồng; Tiền xăng 120 lít = 2.445.000 đồng; Tiền nhót 09 lít x 85.000 = 765.000 đồng; Tiền xới đất 806 tầm x 5.000 đồng = 4.030.000 đồng; Tiền nhân công 14 công x 150.000 đồng = 2.100.000 đồng; Tiền hạt giống 100 gói = 3.500.000 đồng; Thuốc các loại = 14.000.000 đồng; Phân 25-25-5(ĐT) 12 bao = 7.200.000 đồng; Lân đầu trâu 06 bao x 250.000 đồng = 1.500.000 đồng; Phân 25-25-5 x 15 bao x 690.000 đồng = 10.350.000 đồng; Urê đen 10kg x 100.000 đồng = 1.000.000 đồng; DAP Trung Quốc 1 bao x 650.000 đồng = 650.000 đồng; Tiền lợi nhuận là 7.000.000 đồng).

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Minh Th phải nộp án phí số tiền là 3.477.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 1.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005556 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

VT, tỉnh Kiên Giang. Theo đó, ông Th còn phải nộp thêm số tiền là 1.727.000đ (*Một triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Minh Th phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000064 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang. Ông Thuận không phải nộp thêm.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện VT;
- THA dân sự huyện VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Bích Vân